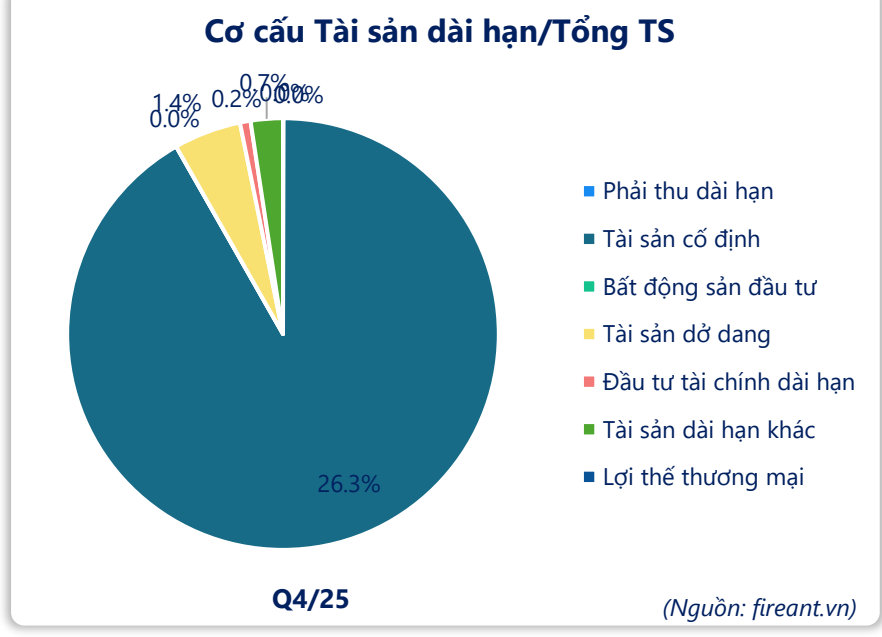
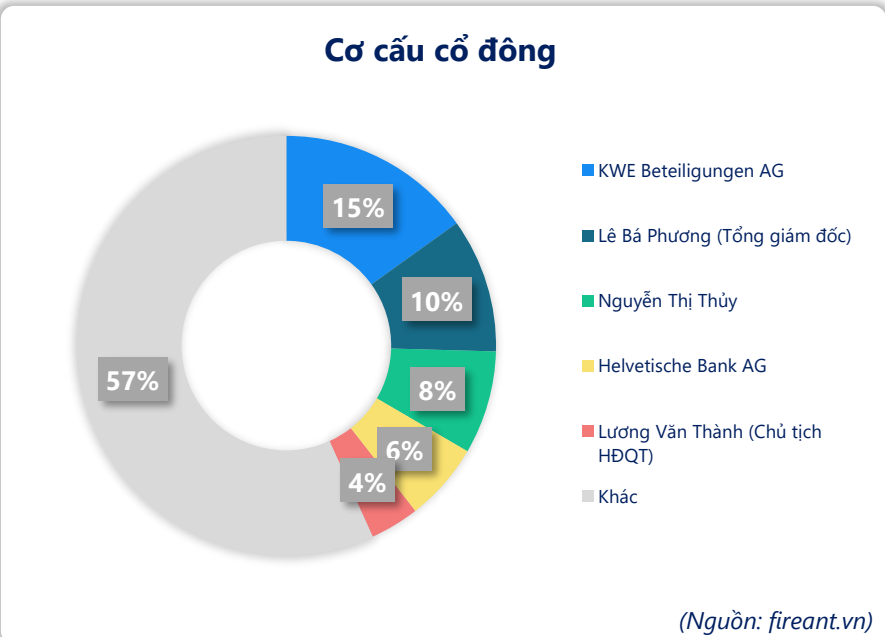
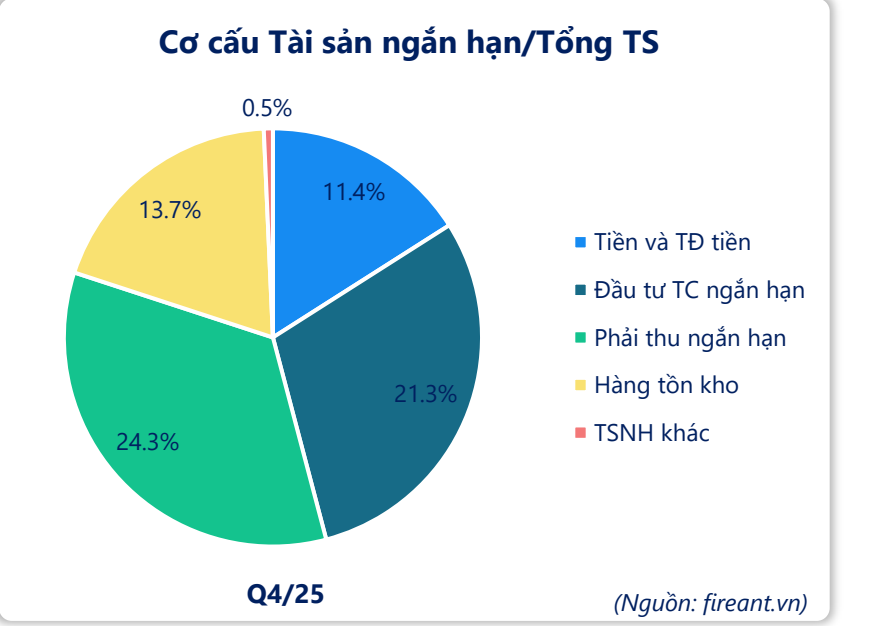
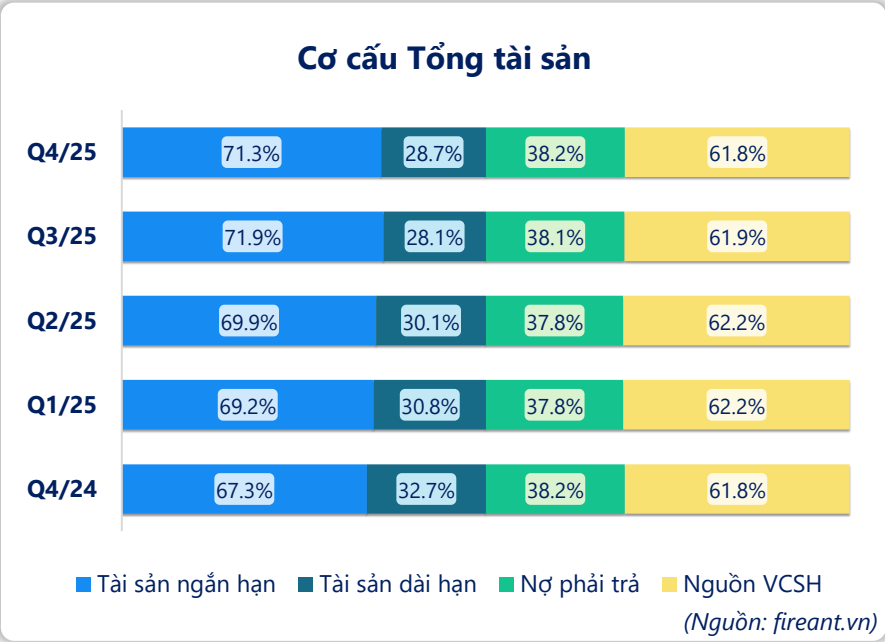
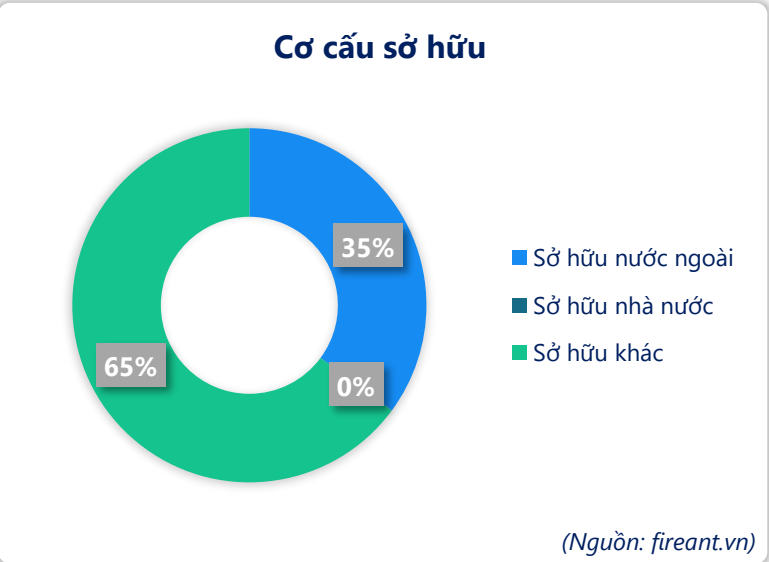
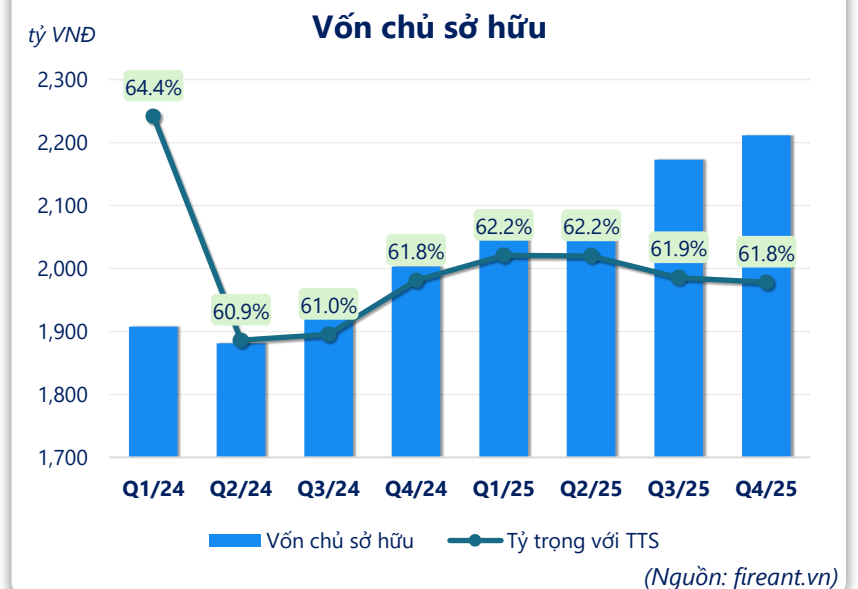
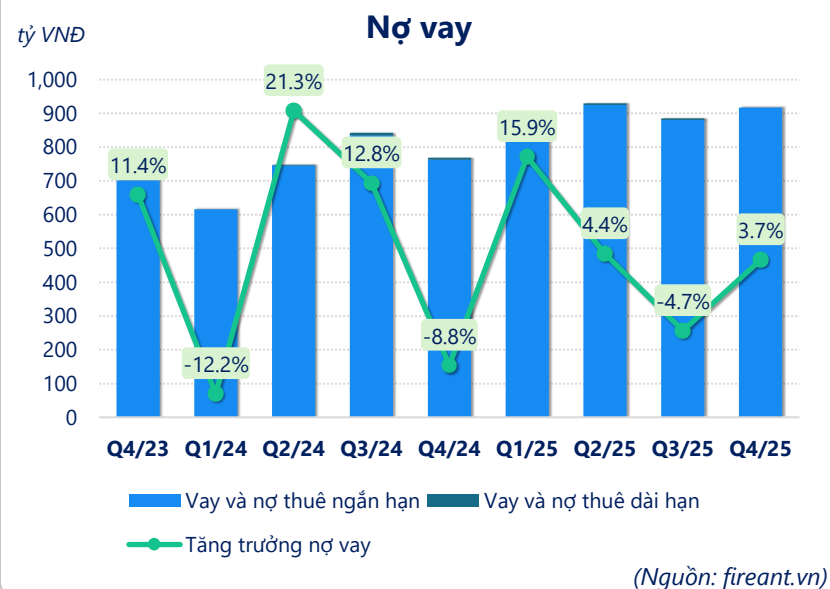
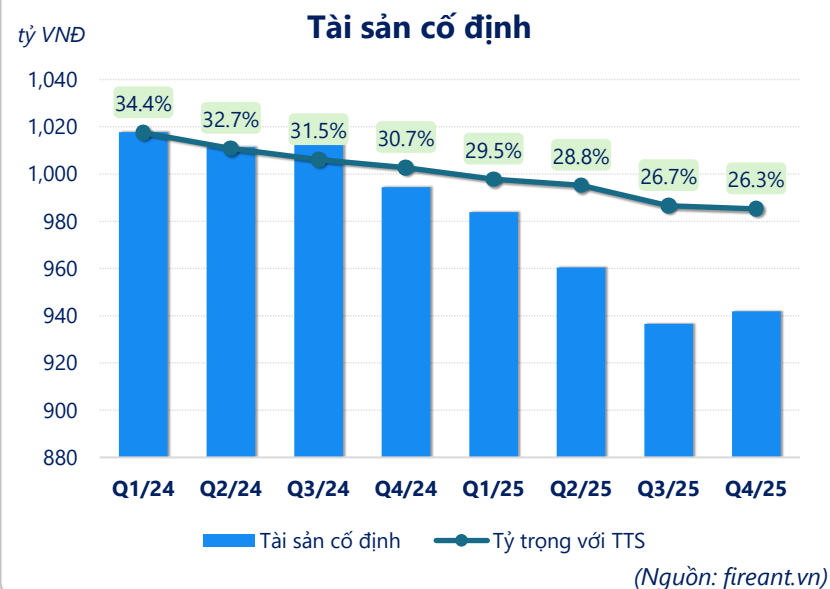
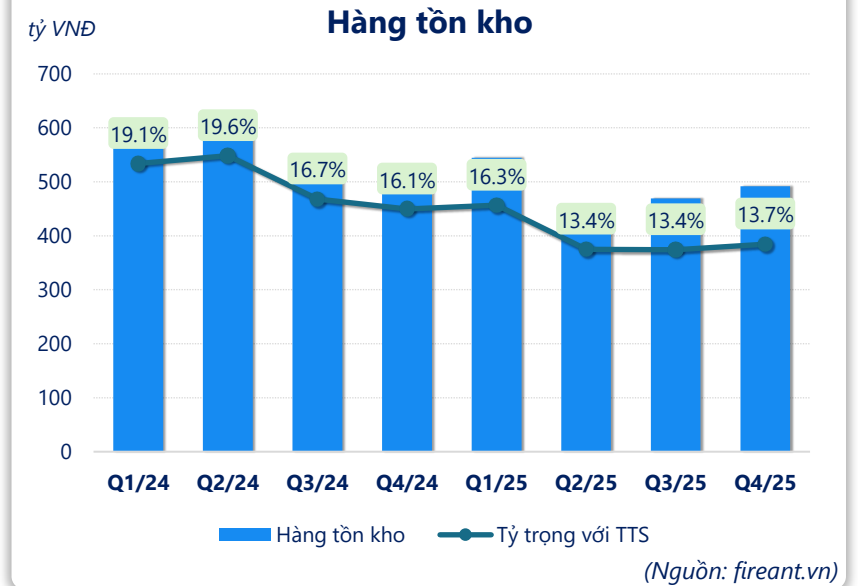
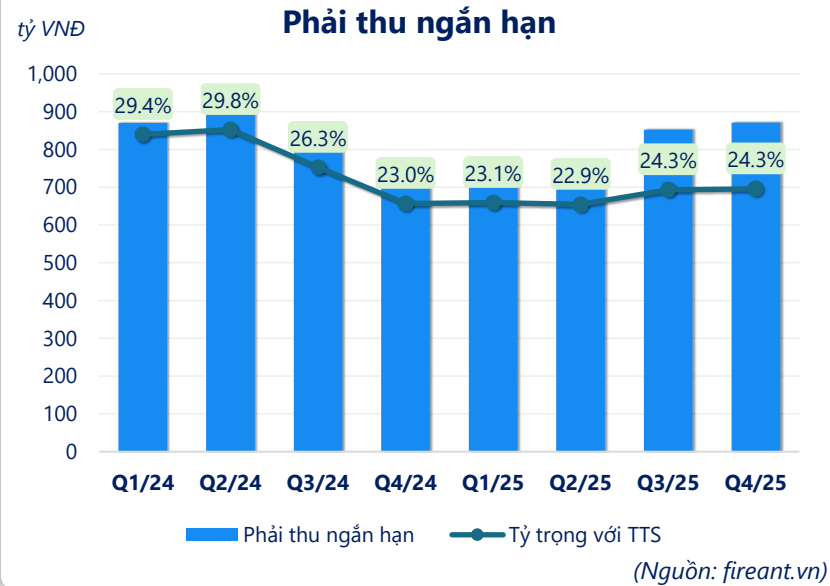
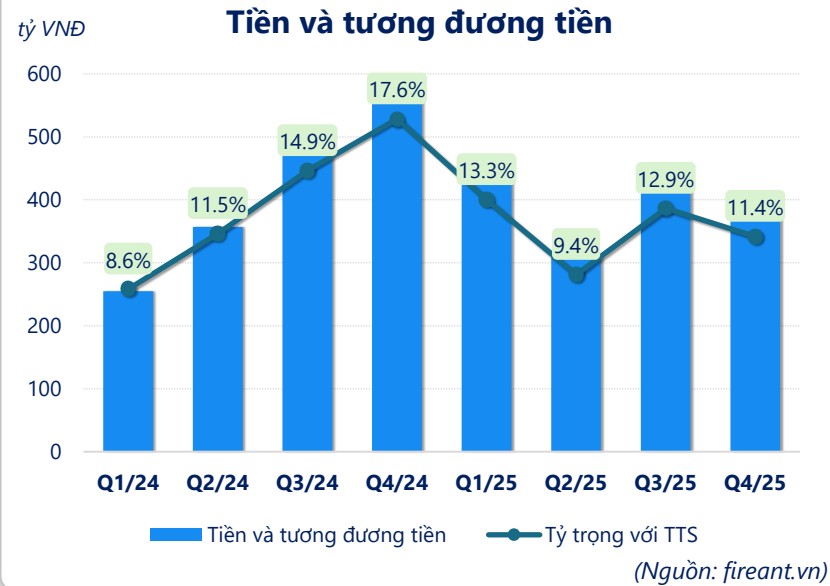
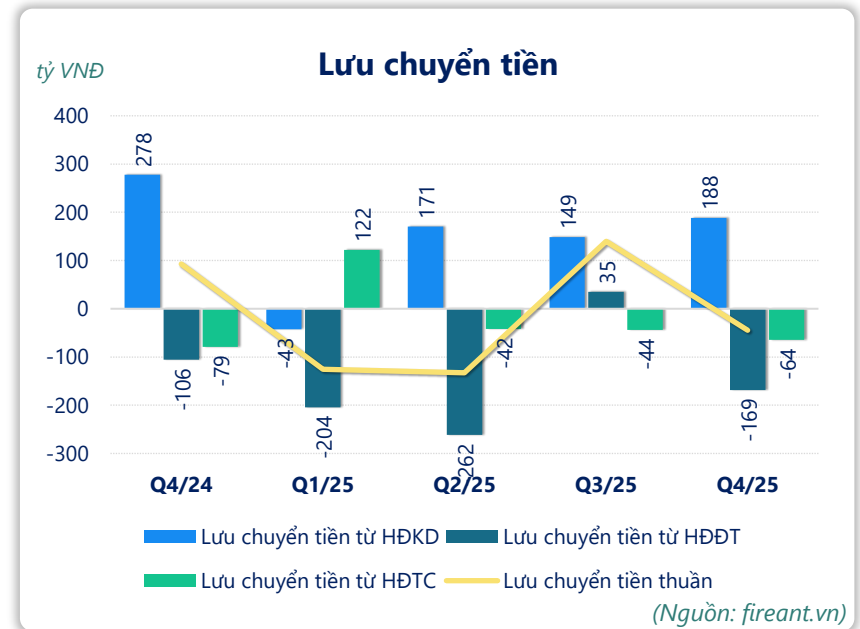
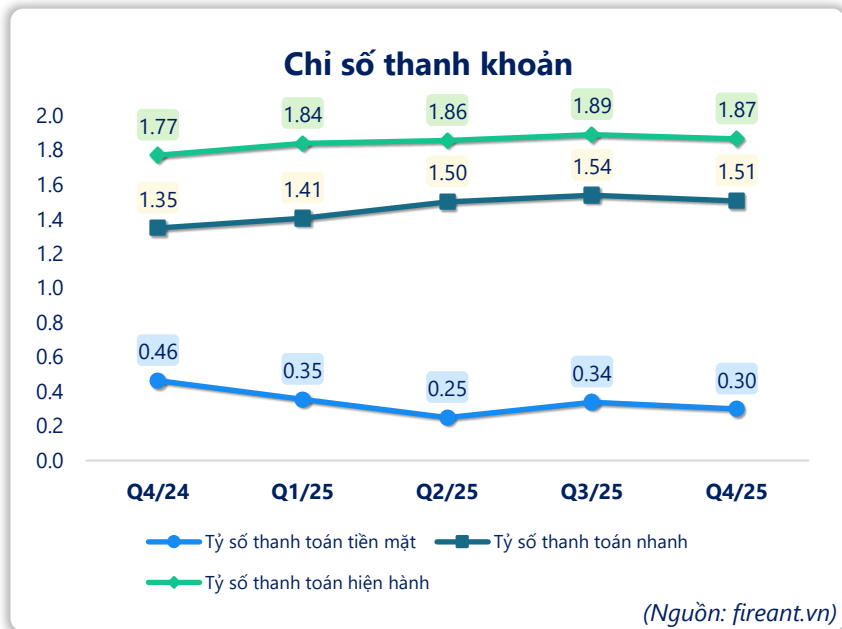
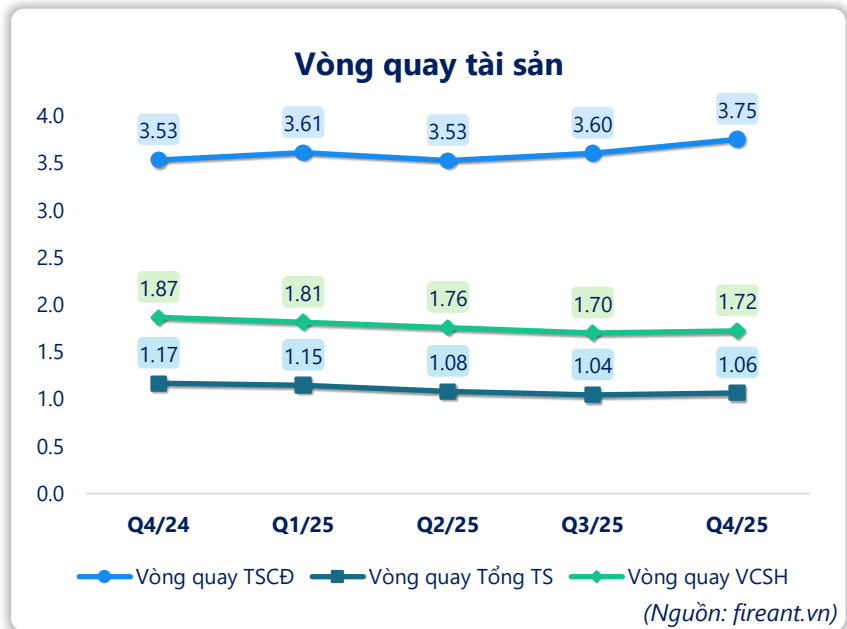
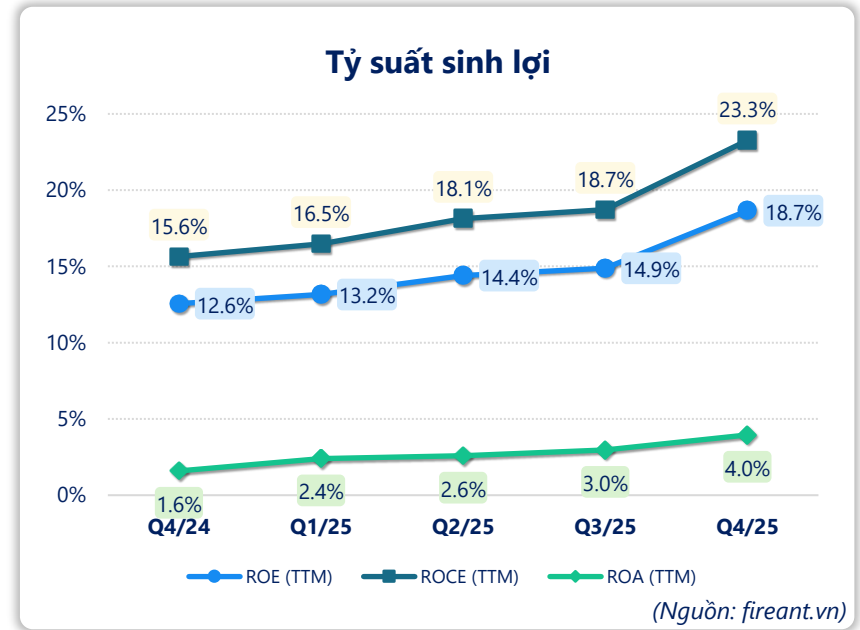
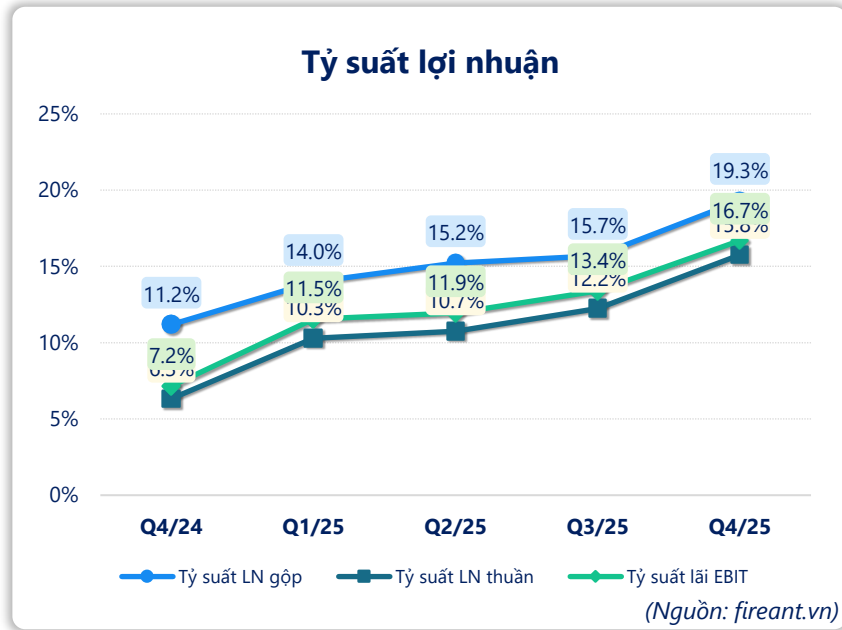
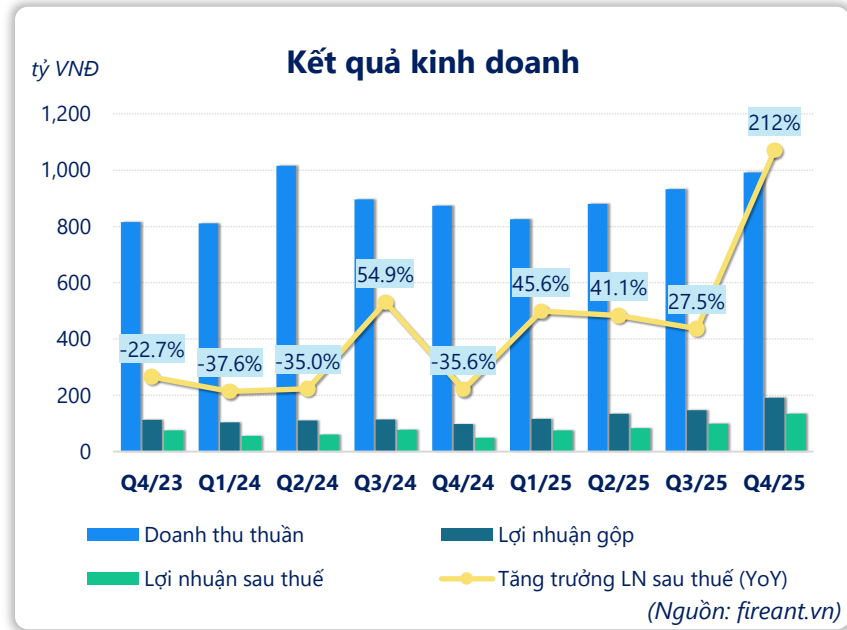


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,157
SL cổ phiếu LH		96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)		225,780
% sở hữu nước ngoài		35.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,221
P/E		8.2
EPS		4,069

	YTD	1T	3T	6T
DHC	12.3%	-0.4%	-1.1%	19.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,579	3,245	10.3%
Tài sản ngắn hạn	2,552	2,186	16.7%
Tiền và tương đương tiền	408	571	-28.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	763	334	128%
Phải thu ngắn hạn	871	745	16.9%
Hàng tồn kho	492	524	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	17.9	11.6	55.0%
Tài sản dài hạn	1,027	1,058	-3.0%
Phải thu dài hạn	0.43	2.57	-83.4%
Tài sản cố định	942	994	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.8	16.7	209%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.14	5.53	47.3%
Tài sản dài hạn khác	24.7	39.2	-37.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,368	1,242	10.2%
Nợ ngắn hạn	1,368	1,236	10.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	918	763	20.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	381	408	-6.6%
Nợ dài hạn	0	5.50	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	5.50	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,211	2,003	10.4%
Vốn chủ sở hữu	2,211	2,003	10.4%
Vốn điều lệ	966	805	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	873	826	881	932	992
Giá vốn hàng bán	776	711	747	786	801
Lợi nhuận gộp	97.7	116	134	146	191
Doanh thu HĐTC	9.71	15.9	14.0	17.4	17.0
Chi phí TC	13.1	8.70	11.8	9.45	8.74
Chi phí lãi vay	6.40	7.11	8.78	8.91	8.73
LN trong công ty LKLD	0.12	0.32	-0.47	0.62	0.07
Chi phí bán hàng	28.1	28.7	30.9	31.2	32.2
Chi phí QLDN	11.0	9.25	10.2	9.76	11.3
LN thuần từ HĐKD	55.3	85.1	94.6	114	156
Lợi nhuận khác	0.83	3.14	1.73	1.83	0.57
LN trước thuế	56.1	88.2	96.4	116	157
Lợi nhuận sau thuế	49.0	75.7	83.0	99.6	135
LNST của CĐ cty mẹ	49.0	75.7	83.0	99.6	135

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	278	-42.8	171	149	188
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-106	-204	-262	35.2	-169
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-78.9	122	-41.6	-44.0	-64.2
Tiền đầu kỳ	478	571	445	313	453
Lưu chuyển tiền thuần	92.9	-125	-133	140	-44.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	571	445	313	453	408

(Nguồn: fireant.vn)